

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH KIÊN GIANG  
Bản án số: **66/2024/DS-ST**  
Ngày **31/12/2024**  
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

2. Ông Trương Văn Sắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 22/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Lê Minh H** - sinh năm 1976

Đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn anh Lê Minh H : Chị **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1985. Theo Giấy uỷ quyền ngày 09/12/2024 (có mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 07, ấp Kinh 8A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

**2. Bị đơn:** Anh **Đặng Minh Mẫn**, sinh năm 1986 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị **Huỳnh Kim C** - sinh năm 1987 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2024 và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn anh Lê Minh H là chị Võ Thị Thu T trình bày:*

Do bạn bè với nhau anh H có cho anh Đặng Minh M vay nhiều lần với tổng

số tiền là: 3.210.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười triệu đồng) cụ thể như sau:

- Ngày 31/01/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 1.550.000.000 đồng;
- Ngày 07/9/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 720.000.000 đồng;
- Ngày 22/10/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 180.000.000 đồng;
- Ngày 21/11/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 650.000.000 đồng;
- Ngày 25/05/2020 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 110.000.000 đồng.

Khi vay tiền anh Đặng Minh M có viết biên nhận để làm bằng, chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận do anh Đặng Minh M viết và ký tên, biên nhận không có thỏa thuận lãi, cũng như thời gian trả nợ, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng khi nào anh H cần lấy lại số tiền trên thì báo trước anh M 7 ngày, anh M sẽ thanh toán nợ, lãi thỏa thuận miệng 1%/tháng. Anh M vay số tiền trên là để mua đất, đầu tư dự án và đảo hạn ngân hàng nhằm phát triển kinh tế cho gia đình anh Mẫn.

Từ khi vay cho đến nay anh M không trả vốn, nhưng có trả được 70.000.000 đồng tiền lãi thể hiện tại biên nhận nợ ngày 31/01/2019 (đã gửi 70 triệu). Anh H đã nhiều liên hệ với anh M và yêu cầu anh M trả tiền, nhưng anh M chỉ hứa hẹn lần này đến lần khác, sau này anh M cũng không nghe điện thoại khi anh H liên lạc.

**Tại phiên tòa chị T yêu cầu:** Tòa án xử buộc vợ chồng anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C phải trả cho anh H số tiền vay gốc 3.210.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười triệu đồng), và yêu cầu tính lãi 1%/tháng mà hai bên thỏa thuận miệng, thời gian tính lãi từ ngày làm biên nhận sau cùng ngày 25/5/2020 cho đến khi kết thúc vụ án.

\* Bị đơn anh Đặng Minh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh M không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C trình bày:**

Chị C là vợ anh Đặng Minh Mẫn, anh M và anh H là bạn bè với nhau. Đối với các biên nhận nợ mà anh H cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ khởi kiện gồm các biên nhận nợ: Ngày 31/01/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 1.550.000.000 đồng; Ngày 07/9/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 720.000.000 đồng; Ngày 22/10/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 180.000.000 đồng; Ngày 21/11/2019 anh Đặng Minh M có vay của anh H số

tiền 650.000.000 đồng; Ngày 25/05/2020 anh Đặng Minh M có vay của anh H số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng là: 3.210.000.000 đồng, chị C xác nhận chữ viết và chữ ký tên là của anh Đặng Minh Mẫn, còn việc anh M vay tiền của anh H bao nhiêu, thời gian trả nợ, cũng như lãi suất, mục đích vay làm gì thì chị C không biết.

Anh Hiền yêu cầu vợ chồng chị C trả 3.210.000.000 đồng và tiền lãi thì chị C có ý kiến: Chị C yêu cầu anh H chỉ yêu cầu anh M trả nợ cho anh H, chị C không liên quan đến. Vì chị C cho rằng biên nhận nợ chị không vay nên chị C không có trách nhiệm cùng anh M trả nợ.

***Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh H yêu cầu anh M trả cho anh H số tiền vay gốc 3.210.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, kèm theo đơn khởi kiện, anh H có cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là 05 tờ biên nhận có chữ viết và chữ ký tên của anh Mẫn, được anh H và chị Huỳnh Kim C là vợ anh M xác nhận chữ viết và chữ ký là của anh Đặng Minh Mẫn.

Về yêu cầu tính lãi của anh H : anh H yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng kể từ ngày làm biên nhận sau cùng ngày 25/5/20220 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng trừ đi 70.000.000 đồng anh M đã đóng lãi cho anh H trước đó. Các biên nhận anh H cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì cả 05 biên nhận không có thoả thuận về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi, nay anh H yêu cầu tính lãi 01%/tháng là không phù hợp với quy định khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự nên không có cơ sở chấp nhận, mà chỉ có cơ sở chấp nhận tính lãi 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, lãi suất được tính  $3.210.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \text{ tương đương } 0,83\%/tháng \times 55 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 1.469.805.500 \text{ đồng} - 70.000.000 \text{ đồng} = 1.399.805.500 \text{ đồng}$ .

Xét yêu cầu của anh H, yêu cầu chị Huỳnh Kim C là vợ anh M có trách nhiệm cùng trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì anh M vay tiền của anh H tổng số tiền 3.210.000.000 đồng là một số tiền lớn để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị C phải có trách nhiệm liên

đổi cùng anh M trả cho anh H số tiền 3.210.000.000 đồng.

\* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H đối với bị đơn anh Đặng Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C .

Buộc anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C liên đới trả cho anh Lê Minh H tổng số tiền: 4.609.805.500 đồng (trong đó nợ gốc: 3.210.000.000 đồng, tiền lãi 1.399.805.500 đồng) và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Minh M có địa chỉ cư trú tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Bị đơn anh Đặng Minh M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Minh H yêu cầu bị đơn anh Đặng Minh M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C trả số tiền vay vốn gốc là 3.210.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười triệu đồng) đây là quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét thấy, bị đơn anh Đặng Minh M chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của anh H tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh Đặng Minh M vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh M không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H , yêu cầu bị đơn anh Đặng Minh M

và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C trả số tiền vay vốn gốc 3.210.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Vào các ngày 31/01/2019, ngày 07/9/2019, ngày 22/10/2019, ngày 21/11/2019 và ngày 25/05/2020 anh Lê Minh H có cho anh Đặng Minh M vay nhiều lần với số tiền 3.210.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, anh M tự viết biên nhận nợ và ký tên, trong biên nhận nợ không thoả thuận lãi cũng như thời gian trả nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2024 chị Huỳnh Kim C là vợ anh Đặng Minh M xác nhận chữ viết và chữ ký tên trong 05 biên nhận trên là của anh Đặng Minh M (Bút lục 24).

Từ đó cho thấy việc giao dịch vay tiền giữa anh Lê Minh H và anh Đặng Minh M là có thật. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi của anh H : Các biên nhận anh H cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì cả 05 biên nhận không có thoả thuận về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi, nay anh H yêu cầu tính lãi 01%/tháng là không phù hợp với quy định khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự nên không có cơ sở chấp nhận, chỉ có cơ sở chấp nhận tính lãi 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, lãi suất được tính  $3.210.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm$  tương đương  $0,83\%/tháng \times 55 \text{ tháng}$  05 ngày (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 31/12/2024) = 1.469.805.500 đồng – 70.000.000 đồng = 1.399.805.500 đồng.

Xét yêu cầu của anh H , yêu cầu chị Huỳnh Kim C là vợ anh M có trách nhiệm cùng trả nợ. Xét lời trình bày của chị Huỳnh Kim C không đồng ý cùng anh M trả nợ cho anh H , chị C cho rằng biên nhận nợ chị không vay nên chị C không có trách nhiệm cùng anh M trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh M vay tiền của anh H số tiền 3.210.000.000 đồng là một số tiền lớn để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị C phải có trách nhiệm liên đới cùng anh M trả cho anh H số tiền 3.210.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Đặng Minh M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Kim C liên đới trả cho nguyên đơn anh Lê Minh H số tiền gốc và tiền lãi là 4.609.805.500 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, năm trăm đồng), trong đó nợ gốc: 3.210.000.000 đồng, tiền lãi 1.399.805.500 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh Lê

Minh H 4.609.805.500 đồng được tính như sau: 4.000.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng = 112.609.805 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn tám trăm lẻ năm đồng), do yêu cầu khởi kiện của anh H được Tòa án chấp nhận.

Hoàn trả lại cho anh Lê Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 48.100.000 đồng (Bốn mươi tám triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003721 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của anh H được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C .

**2.** Buộc anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C trả cho anh Lê Minh H số tiền vay vốn gốc và lãi là 4.609.805.500 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, năm trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 3.210.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười triệu đồng), và tiền lãi là 1.399.805.500 đồng (Một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C phải nộp số tiền 112.609.805 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn tám trăm lẻ năm đồng).

Hoàn trả lại cho anh Lê Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 48.100.000 đồng (Bốn mươi tám triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí số 0003721 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**4. Quyền kháng cáo:** Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đặng Minh M và chị Huỳnh Kim C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THA huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**